

Số: 379 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án “Ứng dụng công nghệ cao xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 22/TTr-KHCN ngày 10/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Ứng dụng công nghệ cao xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Ứng dụng công nghệ cao xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

3. Chủ nhiệm dự án: Tiến sỹ Đỗ Thành Trung

4. Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2019).

5. Mục tiêu của dự án:

- Xây dựng mô hình sản xuất RAT theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới, kết hợp với hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và phân bón với quy mô 1000m² cho một số giống rau cao cấp, hiệu quả kinh tế tăng trên 20% so với trồng đại trà.

- Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP ngoài đồng ruộng quy mô 01 ha đất canh tác cho các giống rau, cà rốt, dưa, bí xanh.

- Xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

- Đào tạo được 05 kỹ thuật viên về kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, 200 lượt người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

6. Nội dung thực hiện:

6.1. Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ rau tại một số vùng chuyên canh rau trên địa bàn huyện Việt Yên

- Thiết kế 3 mẫu phiếu điều tra (30 - 40 chỉ tiêu), điều tra 500 phiếu, bao gồm: hộ dân (350 phiếu), cán bộ quản lý (50 phiếu), hộ kinh doanh (100 phiếu) về thực trạng sản xuất và tiêu thụ rau tại một số vùng chuyên canh rau trên địa bàn huyện Việt Yên.

- Thu thập, phân tích mẫu đất trồng (các chỉ tiêu: Pb, As, Cu, Zn, Cd); mẫu nước tưới (các chỉ tiêu: Hg, Cd, As, Pb) làm cơ sở chứng nhận vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả điều tra khảo sát.

6.2. Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới kết hợp hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và phân bón với quy mô 1.000 m²

- Quy mô, địa điểm: nhà lưới 1.000 m² tại Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sông Thương.

- Giải pháp khoa học:

+ Xây dựng nhà lưới kín bằng thép ống, hộp mạ kẽm, có hệ thống tưới nhỏ giọt cung cấp nước và dinh dưỡng tự động được lắp đặt theo công nghệ của Israel, có quạt hút gió công nghiệp và hệ thống tấm làm mát coolingpad, có bộ điều khiển tự động để điều khiển nhiệt độ, ánh sáng.

+ Thiết kế giá thể trồng một số chủng loại rau: cà chua (vụ xuân hè), cải bó xôi (hè thu), ớt ngọt (vụ thu đông) trong túi bầu, sử dụng hệ thống tưới cung cấp nước, dinh dưỡng nhỏ giọt.

- Thực hiện ghi chép sổ sách, theo dõi đánh giá các chỉ tiêu về năng suất, sản lượng, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất các chủng loại rau trồng trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng cà chua trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy trình kỹ thuật trồng cải bó xôi trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy trình kỹ thuật trồng ớt ngọt trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP.

6.3. Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn trên đồng ruộng

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất rau an toàn tại Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sông Thương.

- Quy mô: 01 ha/2 năm.

- Giải pháp khoa học:.

+ Bố trí công thức luân canh: Cà rốt (từ tháng 1- tháng 4) - Dưa (từ tháng 5 - tháng 8) - Bí xanh (từ tháng 9 - tháng 12).

+ Áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap của Viện Nghiên cứu Rau quả và Viện Cây lương thực và cây thực phẩm

- Thực hiện ghi chép sổ sách, theo dõi đánh giá các chỉ tiêu về năng suất, sản lượng, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất các chủng loại rau theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Hoàn thiện 03 quy trình sản xuất rau ngoài đồng ruộng: Quy trình sản xuất cà rốt an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy trình kỹ thuật sản xuất dưa an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy trình kỹ thuật sản xuất bí xanh an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

6.5. Xây dựng mô hình sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP

- Quy mô, địa điểm: Nhà sơ chế tối thiểu 100 m² tại Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sông Thương.

- Tiêu chuẩn nhà sơ chế: có đủ trang thiết bị, điện nước, bồn rửa, bàn sơ chế... phục vụ việc sơ chế, đóng gói sản phẩm.

- Tiến hành sơ chế, phân loại các chủng loại rau và đóng gói sản phẩm.

6.6. Chứng nhận sản phẩm rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP

- Thực hiện lấy mẫu sản phẩm rau ở mỗi vụ để tiến hành phân tích, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm: các chỉ tiêu hàm lượng nitrat NO₃, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV...

- Lập thủ tục chứng nhận sản phẩm rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP theo quy định.

6.7. Xây dựng mô hình liên kết, tổ chức tiêu thụ, thương mại hóa sản phẩm rau an toàn

- Khảo sát và tìm hiểu thị trường tiêu thụ sản phẩm rau được sản xuất theo VietGAP trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức mạng lưới tiêu thụ (thu gom, vận chuyển, ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, in bao bì nhãn mác...).

- Xây dựng các website giới thiệu sản phẩm rau an toàn sản xuất theo hướng VietGAP của các đơn vị sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

6.8. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, hội thảo khoa học

- Đào tạo 05 cán bộ kỹ thuật về quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn cho 200 lượt người về sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, tổ chức 02 hội nghị đầu bờ.

- Tổ chức 02 hội thảo khoa học về nội dung của dự án.

7. Sản phẩm của dự án:

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án.

- Hồ sơ sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP (kết quả các mẫu phân tích đất, nước, chứng nhận vùng rau an toàn, sổ sách theo dõi ghi chép quá trình sản xuất và bảo quản, phiếu kiểm nghiệm mẫu sản phẩm rau an toàn);

- Hoàn thiện 03 quy trình công nghệ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP;

- Hoàn thiện 03 quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP ngoài đồng ruộng ;

- Mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới 1.000m² cho các giống rau cà chua, ớt ngọt, cải bó xôi.

- Mô hình sản xuất rau trên ruộng cho một số chủng loại (Cà rốt, dưa, bí xanh) quy mô 01 ha/2 năm.

- Nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn với diện tích tối thiểu 100 m², có đủ trang thiết bị, điện, nước phục vụ việc sơ chế, bảo quản, đóng gói sản phẩm.

- Đào tạo 05 kỹ thuật viên, tập huấn cho 200 lượt người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- 02 hội thảo khoa học, 02 hội nghị đầu bờ.

- Danh mục máy móc thiết bị mua sắm bằng kinh phí hỗ trợ từ dự án.

- Các sản phẩm khác: 02 kỷ yếu hội thảo khoa học; 03 mẫu phiếu điều tra, 500 phiếu điều tra điền đầy đủ thông tin; báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả điều tra.

8. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 3.512.903.000 đồng (*Ba tỷ, năm trăm mười hai triệu, chín trăm linh ba nghìn đồng*). Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh: 1.499.900.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng*).

- Kinh phí huy động doanh nghiệp: 2.013.003.000 đồng (*Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, không trăm linh ba nghìn đồng*).

Điều 2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và nội dung đã được phê duyệt.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và nghiệm thu dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, Chủ nhiệm dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Nam.CN (2).

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TH, KT, TPCNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Văn Thái